

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC

Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/3/2016 (gọi là “năm 2015”).

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/9/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 4.500.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên

Ông Nguyễn Đình Chiến
Ông Phạm Mạnh Khiêm
Ông Phan Quốc Hiên
Ông Nguyễn Khắc Hùng
Bà Trần Thị Hà

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên

Ông Nguyễn Đình Chiến
Ông Phan Quốc Hiên
Ông Vũ Văn Bộ

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/3/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 32.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Chiến
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016



Số: 100/2016/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 5 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/3/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc tại ngày 31/3/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Vụ

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0638-2013-43-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Nguyễn Hữu Đông

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0140-2013-43-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/3/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/3/2016	01/4/2015
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.758.185.663	15.606.860.784
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.061.492.423	5.522.566.116
1. Tiền	111		486.492.423	4.222.566.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.575.000.000	1.300.000.000
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.948.412.340	598.104.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.558.930.340	151.840.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	389.482.000	446.263.850
IV/ Hàng tồn kho	140		732.738.482	9.050.538.097
1. Hàng tồn kho	141	V.04	732.738.482	9.050.538.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		15.542.418	435.652.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.542.418	435.652.121
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		976.224.611	1.302.802.997
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		971.350.338	1.286.136.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	971.350.338	1.286.136.144
- Nguyên giá	222		3.400.869.373	3.400.869.373
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.429.519.035)	(2.114.733.229)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		4.874.273	16.666.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	4.874.273	16.666.853
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.734.410.274	16.909.663.781

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2016

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/3/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/3/2016	01/4/2015
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		679.212.020	9.666.524.009
I/ Nợ ngắn hạn	310		679.212.020	9.666.524.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	30.000.000	7.883.570.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	107.105.303	247.549.478
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	506.702.442	1.500.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		35.404.275	35.404.275
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.055.198.254	7.243.139.772
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.11	7.055.198.254	7.243.139.772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.500.000.000	4.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000	4.500.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		529.618.720	529.618.720
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.025.579.534	2.213.521.052
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.401.321.052	2.213.521.052
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		624.258.482	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.734.410.274	16.909.663.781



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	62.316.270.870	52.421.683.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.316.270.870	52.421.683.471
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	59.472.934.664	50.252.754.552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.843.336.206	2.168.928.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	161.446.079	280.964.700
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	166.667	6.155.556
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		166.667	6.155.556
8. Chi phí bán hàng	24		77.224.368	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.107.662.600	1.902.636.675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		819.728.650	541.101.388
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.05	12.049.865	5.670.630
13. Lợi nhuận khác	40		(12.049.865)	(5.670.630)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		807.678.785	535.430.758
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	183.420.303	122.122.305
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		624.258.482	413.308.453
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.387	918
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2016

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	64.203.249.832	59.776.656.586
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(61.822.425.312)	(49.439.538.010)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.146.761.900)	(2.822.938.200)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(166.667)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(202.122.305)	(410.723.892)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.109.940.800	6.461.604.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.716.214.220)	(15.300.003.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.574.499.772)	(1.734.942.381)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(35.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000)	(8.969.440.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	60.000.000	10.113.284.444
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.446.079	280.964.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.553.921)	1.388.900.053
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	200.000.000	2.300.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.000.000)	(2.300.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(808.020.000)	(897.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(808.020.000)	(897.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(3.461.073.693)	(1.243.842.328)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.522.566.116	6.766.408.444
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	2.061.492.423	5.522.566.116



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (gọi tắt là 'Công ty') thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/7/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/9/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh là : 4.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực bông, vải, vật tư nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của công ty như sau:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, vải, vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), thiết bị phục vụ cho sản xuất, chế biến bông và các sản phẩm của bông sau thu hoạch.
- Sản xuất, kinh doanh giống bông và các loại cây trồng khác.
- Kinh doanh các sản phẩm ngành dệt may, các mặt hàng nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm và tiêu dùng.
- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: từ 01/04 đến 31/3 dương lịch

Khả năng so sánh thông tin:

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 được điều chỉnh lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/04 kết thúc vào ngày 31/3 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ -BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số VII.05- Số liệu so sánh.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán máy trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng lựa chọn áp dụng tỷ giá trong kế toán: Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, Công ty áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi phát sinh giao. Đối với việc đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, Công ty áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản.

Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ tại thời điểm ghi nhận và đánh giá lại của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ tại thời điểm ghi nhận hoặc đánh giá lại nợ phải trả của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng, phải thu khác. Nợ phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi giá trị dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, theo nguyên tệ, và theo kỳ hạn. Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch thương xuyên. Công ty không đánh giá lại đối với các khoản công nợ người mua trả tiền trước là ngoại tệ.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập về sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 02-Hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến việc hình thành tài sản cố định và đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý hay sử dụng để đầu tư, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, quyền phát hành, giấy phép bản quyền, bằng sáng chế và chương trình phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn dài hạn

Chi phí trả trước: Phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán thuộc một hay nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nên chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí kinh doanh của từng kỳ hạch toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết phát sinh tăng, giảm, chi phí chưa phân bổ của từng khoản mục.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán, phải trả khác. Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải trả, theo nguyên tệ, và theo kỳ hạn. Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản công nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch thương xuyên. Công ty không đánh giá lại đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán là ngoại tệ.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ như: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá vào giá trị tài sản theo quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả bao gồm: phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả về tiền lương nghỉ phép; tiền lãi vay trong trường hợp vay trả lãi sau; chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất và các khoản chi phí trích trước để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí phải trả được quyết toán theo số thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập bằng cách ghi giảm chi phí tương ứng.

Đối với chi phí trích trước để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hóa bất động sản, Công ty chỉ thực hiện trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Giá trị trích trước được tính cho phần hàng hóa bất động sản đã hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu tương ứng với diện tích đã bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán số 18-Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: (1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (4) Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; (5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau: (1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; (4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

Tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: (1) Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; (2) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty trong kỳ. Thu nhập khác gồm: Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, tài sản cố định đem đi góp vốn,... và các khoản thu nhập khác.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo. Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm: giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn được ghi nhận trên nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, được tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và lỗ từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính.

Chi phí lãi tiền vay được ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nội dung	31/3/2016	01/4/2015
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	258.808.538	303.899.644
Tiền gửi ngân hàng	227.683.885	3.918.666.472
Tiền gửi VND	227.683.885	3.918.666.472
Ngân hàng NN và Phát triển NT Việt Nam-CN Thăng Long	31.218.722	3.917.435.813
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-CN Hà Thành	196.465.163	1.230.659
Các khoản tương đương tiền (*)	1.575.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-CN Hà Thành	275.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Sở Giao dịch	1.300.000.000	-
Ngân hàng NN và Phát triển NT Việt Nam-CN Thăng Long	-	1.300.000.000
Tổng cộng	2.061.492.423	5.522.566.116

(*) Nhằm mục đích nâng cao lợi nhuận từ hoạt động tài chính, Công ty thực hiện gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng nói trên theo hình thức sổ tiết kiệm cá nhân do Bà **Nguyễn Thị Hoa** là cán bộ công nhân viên của Công ty đứng tên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Nội dung	31/3/2016	01/4/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ngọc Phan	-	494.000
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	-	151.346.600
Tổng Công ty Cổ Phần Dệt May Nam Định	3.558.930.340	-
Tổng cộng	3.558.930.340	151.840.600

03. Phải thu ngắn hạn khác

Nội dung	31/3/2016		01/4/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác	389.482.000	-	166.263.850	-
- Nguyễn Cao Kinh	140.000.000	-	-	-
- Nguyễn Ngọc Dương	5.000.000	-	49.035.000	-
- Phan Quốc Hiền	-	-	107.000.000	-
- Phạm Ngọc Hùng	17.782.000	-	-	-
- Phạm Văn Phú	119.700.000	-	-	-
- Phạm Đình Ôn	99.000.000	-	-	-
- Vũ Văn Bộ	8.000.000	-	10.000.000	-
- Phải thu BHXH quận Hai Bà Trưng	-	-	228.850	-
Tạm ứng	-	-	280.000.000	-
- Phạm Mạnh Khiêm	-	-	180.000.000	-
- Đặng Văn Dương	-	-	100.000.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	389.482.000	-	446.263.850	-

04. Hàng tồn kho

Nội dung	31/3/2016		01/4/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	-	-	4.800.607.679	-
Thành phẩm	732.738.482	-	4.249.930.418	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Tổng cộng	732.738.482	-	9.050.538.097	-

05. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	01/4/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/3/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí CCDC	16.666.853	4.874.273	16.666.853	4.874.273
Tổng cộng	16.666.853	4.874.273	16.666.853	4.874.273

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

06. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại 01/4/2015	1.433.468.804	636.650.568	1.294.840.910	35.909.091	-	3.400.869.373
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại 31/3/2016	1.433.468.804	636.650.568	1.294.840.910	35.909.091	-	3.400.869.373
Giá trị hao mòn						
Tại 01/4/2015	950.708.260	540.064.984	622.962.510	997.475	-	2.114.733.229
Số tăng trong kỳ	71.046.960	25.037.322	206.731.824	11.969.700	-	314.785.806
Khấu hao trong năm	71.046.960	25.037.322	206.731.824	11.969.700	-	314.785.806
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại 31/3/2016	1.021.755.220	565.102.306	829.694.334	12.967.175	-	2.429.519.035
Giá trị còn lại						
Tại 01/4/2015	482.760.544	96.585.584	671.878.400	34.911.616	-	1.286.136.144
Tại 31/3/2016	411.713.584	71.548.262	465.146.576	22.941.916	-	971.350.338

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B09-DN

07. Phải trả người bán

Nội dung	31/03/2016		01/04/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP SX và kinh doanh Phong Phú	-	-	2.525.452.800	2.525.452.800
Công ty Cổ phần Melio	-	-	1.501.948.000	1.501.948.000
Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Vận tải Đông Dương	-	-	12.650.000	12.650.000
Công ty TNHH Phong Lan	-	-	1.343.567.400	1.343.567.400
Công ty TNHH Phong Đàn	-	-	53.160.756	53.160.756
Công ty CP Dệt Nha Trang	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Dệt May Việt Hưng	-	-	2.312.951.300	2.312.951.300
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Hà	-	-	103.840.000	103.840.000
Tổng cộng	30.000.000	30.000.000	7.883.570.256	7.883.570.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	Trong năm		31/3/2016
	01/4/2015	Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ
Thuế GTGT phải nộp	-	426.463.540	426.463.540
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	122.122.305	183.420.303	202.122.305
Thuế thu nhập cá nhân	3.515.260	51.112.300	50.942.560
Thuế tài nguyên	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	121.911.913	461.927.602	583.839.515
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	1.500.000	1.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng (*)	247.549.478	477.575.840	477.406.100
			107.105.303

(*) Số liệu quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể hiệu theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

09. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Nội dung	Trong năm		31/3/2016
	01/4/2015	Tăng VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
Vay ngắn hạn	-	200.000.000	-
Nguyễn Thị Hương Bưởi	-	200.000.000	-
Tổng cộng	-	200.000.000	-

Thông tin về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn:

Là khoản vay của Bà Nguyễn Thị Hương Bưởi theo các điều khoản vay trong hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Hương Bưởi với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành Long ký ngày 16/4/2015; Số tiền vay 200.000.000VNĐ; thời hạn vay 7 ngày; lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải trả ngắn hạn khác

Nội dung	31/3/2016	01/4/2015
	VND	VND
Phải trả Bảo hiểm xã hội quận Hai Bà Trưng	2.522.442	-
Phải trả cổ tức 2013, 2014	4.180.000	-
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	500.000.000	1.500.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Hà Nội - Sông Hồng	500.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng	506.702.442	1.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Vốn chủ sở hữu

11a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XD CB VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/4/2014	4.500.000.000	-	529.618.720	2.698.012.599	-	7.727.631.319
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	413.308.453	-	413.308.453
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(897.800.000)	-	(897.800.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/3/2015	4.500.000.000	-	529.618.720	2.213.521.052	-	7.243.139.772
Số dư tại 01/4/2015	4.500.000.000	-	529.618.720	2.213.521.052	-	7.243.139.772
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	624.258.482	-	624.258.482
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(810.000.000)	-	(810.000.000)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(2.200.000)	-	(2.200.000)
Số dư tại 31/3/2016	4.500.000.000	-	529.618.720	2.025.579.534	-	7.055.198.254

Trong năm 2015, Công ty thực hiện chia cổ tức 18% trên vốn điều lệ theo Thông báo số 86/HDQT-TB ngày 05/8/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông góp vốn	31/3/2016		01/4/2015	
	<i>Vốn góp VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Vốn góp VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Ông Nguyễn Đình Chiến	1.029.000.000	23%	1.029.000.000	23%
Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	500.000.000	11%	500.000.000	11%
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hố	200.000.000	4%	200.000.000	4%
Bà Trần Thị Hà	481.000.000	11%	481.000.000	11%
Ông Phạm Mạnh Khiêm	450.000.000	10%	450.000.000	10%
Ông Phan Quốc Hiền	319.000.000	7%	319.000.000	7%
Ông Nguyễn Khắc Hùng	331.000.000	7%	331.000.000	7%
Bà Đào Thị Thảo	184.000.000	4%	184.000.000	4%
Ông Nguyễn Xuân Kiêm	153.000.000	3%	153.000.000	3%
Ông Vũ Văn Bộ	100.000.000	2%	100.000.000	2%
Ông Phạm Đình Ổn	124.000.000	3%	124.000.000	3%
Các cổ đông khác	629.000.000	14%	629.000.000	14%
Tổng cộng	4.500.000.000	100%	4.500.000.000	100%

11c. Giao dịch về vốn chủ sở hữu, cổ tức lợi nhuận đã chia

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	4.500.000.000	4.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia của năm trước	810.000.000	900.000.000

11d. Cổ phiếu

Nội dung	31/3/2016	01/4/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	450.000	450.000
Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000	450.000
Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ICP):	10.000	10.000

11e. Các quỹ của doanh nghiệp

Nội dung	31/3/2016 VND	01/4/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	529.618.720	529.618.720
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán đệm	52.604.294.930	50.973.173.690
Doanh thu bán Bông xơ	8.362.494.940	-
Doanh thu hạt bông	1.016.700.000	1.305.246.600
Doanh thu hạt giống	28.581.000	143.263.181
Doanh thu dịch vụ	304.200.000	-
Tổng cộng	62.316.270.870	52.421.683.471

02. Giá vốn hàng bán

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn đệm	50.116.858.445	48.935.641.569
Giá vốn bông xơ	8.717.440.243	-
Giá vốn hạt bông	611.400.000	1.305.247.581
Giá vốn hạt giống	27.219.142	10.100.000
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	16.834	1.765.402
Tổng cộng	59.472.934.664	50.252.754.552

03. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	150.496.312	241.963.145
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.529.267	10.091.555
Lãi cho vay cá nhân	3.420.500	28.910.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng cộng	161.446.079	280.964.700

04. Chi phí hoạt động tài chính

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	166.667	6.155.556
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng cộng	166.667	6.155.556

05. Chi phí khác

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền phạt thuế	12.049.865	-
Các khoản khác	-	5.670.630
Tổng cộng	12.049.865	5.670.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.139.462.600	1.940.436.675
Chi phí nhân viên	1.119.459.080	1.073.196.240
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	66.544.271	66.739.727
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.609.853	20.178.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	218.701.524	207.729.299
Thuế, phí và lệ phí	463.427.602	365.979.801
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.599.109	102.622.844
Chi phí bằng tiền khác	107.121.161	103.990.451
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	31.800.000	37.800.000
Các khoản ghi giảm khác	31.800.000	37.800.000
Tổng cộng	2.107.662.600	1.902.636.675

07. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.528.099.694	57.346.077.990
Chi phí nhân công	3.348.417.432	3.061.922.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.785.806	292.546.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.340.606.785	1.166.009.443
Chi phí khác bằng tiền	552.248.763	432.170.252
Tổng cộng	53.531.909.717	61.866.556.468

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Nội dung	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	807.678.785	535.430.758
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>26.049.865</i>	<i>19.670.630</i>
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	26.049.865	19.670.630
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	833.728.650	555.101.388
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	183.420.303	122.122.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau Thuế TNDN	624.258.482	413.308.453
- Các khoản điều chỉnh	-	-
- Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	624.258.482	413.308.453
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	450.000	450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.387	918

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

02. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến thời điểm lập Báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2016.

03. Các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan

Các bên có liên quan của Công ty là các Đơn vị và cá nhân sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bên liên quan là tổ chức	
Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hiến	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Khiêm	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Vợ Ông Nguyễn Đình Chiến-Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	Con trai Ông Nguyễn Đình Chiến-Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Hoa	Con gái Ông Nguyễn Đình Chiến-Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/3/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Năm 2015 VND
Ông Nguyễn Đình Chiến	
Tổng thu nhập từ tiền lương	214.610.400
Cổ tức chi trả	185.220.000
Thù lao Hội đồng quản trị	18.000.000
Bà Trần Thị Hà	
Tổng thu nhập từ tiền lương	133.307.200
Cổ tức chi trả	86.580.000
Thù lao Hội đồng quản trị	12.000.000
Ông Phan Quốc Hiến	
Tổng thu nhập từ tiền lương	132.991.600
Cổ tức chi trả	90.540.000
Thù lao Hội đồng quản trị	12.000.000
Ông Phạm Mạnh Khiêm	
Tổng thu nhập từ tiền lương	104.637.400
Cổ tức chi trả	81.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	12.000.000
Ông Nguyễn Khắc Hùng	
Tổng thu nhập từ tiền lương	44.138.600
Cổ tức chi trả	59.580.000
Thù lao Hội đồng quản trị	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	
Cổ tức chi trả	8.280.000
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	
Cổ tức chi trả	9.180.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	
Tổng thu nhập từ tiền lương	100.393.200

Trong năm 2015, Công ty có thực hiện gửi tiền vào ngân hàng theo hình thức sổ tiết kiệm cá nhân dưới tên bà Nguyễn Thị Hoa. Tại ngày 31/3/2016, Bà Nguyễn Thị Hoa đang đứng tên trên 2 khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam-CN Hà Thành với số tiền 275.000.000VND và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Sở Giao dịch với số tiền 1.300.000.000VND.

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên có liên quan (nếu có) đã được trình bày ở các thuyết minh chi tiết trong phần V-Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

04. Báo cáo bộ phận

Doanh thu chi phí của Công ty chỉ phát sinh duy nhất tại trụ sở chính tại Hà Nội và chủ yếu về lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm về bông. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

05. Thông tin so sánh

Trong năm 2015, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại lại một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán cho năm tài chính 2015. Chi tiết như sau:

Trình bày theo Quyết định 15			Trình bày theo Thông tư 200			Chênh lệch
Chỉ tiêu	Mã số	31/03/2015	Chỉ tiêu	Mã số	01/04/2015	
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.606.860.784	A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.606.860.784	
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130	318.104.450	III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130	598.104.450	280.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	166.263.850	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	446.263.850	280.000.000
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150	715.652.121	V/ Tài sản ngắn hạn khác	150	435.652.121	(280.000.000)
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	280.000.000	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	(280.000.000)
NGUỒN VỐN			NGUỒN VỐN			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	7.243.139.772	D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	7.243.139.772	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	454.727.833	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	529.618.720	74.890.887
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	74.890.887				(74.890.887)

Ghi chú:

- Số liệu chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" bao gồm số dư tạm ứng được trình bày sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác".
- Chỉ tiêu "Quỹ dự phòng tài chính" được phân loại sang "Quỹ đầu tư phát triển".

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Theo quy định về trình bày Báo cáo tài chính tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, thông tin về các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán (nếu có) không trình bày cùng với Bảng cân đối kế toán mà được trình bày ở phần thuyết minh số V-Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/3/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***07. Công cụ tài chính****Các loại công cụ tài chính**

Nội dung	Giá trị ghi sổ			
	31/3/2016		01/4/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.061.492.423	-	5.522.566.116	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.948.412.340	-	598.104.450	-
Cộng	6.009.904.763	-	6.120.670.566	-

Nội dung	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2016	01/04/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	536.702.442	9.383.570.256
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	536.702.442	9.383.570.256

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản chính và nợ phải trả tài chính ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này. Hiện công ty chưa có các khoản đầu tư công cụ vốn. Theo đó, không phát sinh rủi ro này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

*(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ các tài sản chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Nội dung	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Tại ngày 31/3/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.061.492.423	-	-	2.061.492.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.948.412.340	-	-	3.948.412.340
Cộng	6.009.904.763	-	-	6.009.904.763
Tại ngày 01/4/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.522.566.116	-	-	5.522.566.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	598.104.450	-	-	598.104.450
Cộng	6.120.670.566	-	-	6.120.670.566
Nội dung	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Tại ngày 31/3/2016				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	536.702.442	-	-	536.702.442
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	536.702.442	-	-	536.702.442
Tại ngày 01/4/2015				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	9.383.570.256	-	-	9.383.570.256
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	9.383.570.256	-	-	9.383.570.256

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/3/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

08. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,38	92,30
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	12,56	7,61
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,62	7,70
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	8,78	57,17
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	91,22	42,83
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9,95	1,61
2.2	Khả năng thanh toán tiền mặt	Lần	3,04	0,57
			Năm nay	Năm trước
3	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	%	1,30	1,02
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,00	0,79
3.2	Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	10,44	3,17
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	8,07	2,44
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,85	5,71



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà